

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án phòng chống, ứng phó
thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 16 tháng 9 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TWPC TT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng theo các cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố kết quả cập nhật phân vùng bão, xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão và phân vùng gió cho các vùng ở sâu trong đất liền khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 08/TTr-BCH-PCTT ngày 26 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phương án

Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án phòng chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Quốc gia UPSCTT và TKCN;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- Cục Quản lý đề điều và PCTT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Đài KTTV khu vực Nam Bộ;
- VPĐD Cục QLĐĐ và PCTT tại khu vực miền Nam;
- Các thành viên Ban Chỉ huy PTDS-PCTT và TKCN TP;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Trọng).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

PHƯƠNG ÁN

Phòng chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Điều 1. Mục đích

Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng điểm. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi thiên tai đến nơi tạm cư kiên cố, chắc chắn, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai.

Điều 2. Yêu cầu

1. Huy động sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị; tất cả các ngành, các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc phương châm “bốn tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “ba sẵn sàng” (Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả).

2. Nhân dân Thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo của chính quyền, cơ quan chức năng trong suốt thời gian từ trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai; đồng thời chủ động, nâng cao ý thức tự giác tham gia cùng chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Chương II CÁC LOẠI THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ CỦA CÁC LOẠI THIÊN TAI CÓ KHẢ NĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 3. Các loại thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến Thành phố

- Bão, áp thấp nhiệt đới.
- Mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt và nước dâng.
- Gió mạnh trên biển.
- Sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất.

5. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn.
6. Lốc, sét, mưa đá và sương mù.
7. Động đất, sóng thần.
8. Cháy rừng do tự nhiên.

Điều 4. Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng xảy ra đối với các loại thiên tai có nguy cơ ảnh hưởng đến Thành phố

1. Đối với bão: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.
2. Đối với áp thấp nhiệt đới: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
3. Đối với mưa lớn: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
4. Đối với lũ (xả lũ), ngập lụt: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
5. Đối với nước dâng: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
6. Đối với gió mạnh trên biển: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
7. Sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
8. Đối với nắng nóng: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
9. Đối với hạn hán: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
10. Đối với xâm nhập mặn: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
11. Cháy rừng do tự nhiên: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.
12. Đối với lốc, sét, mưa đá: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
13. Đối với sương mù: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
14. Đối với động đất: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.
15. Đối với sóng thần: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 5.

Chương III

PHÂN CẤP TRONG CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH PHÒNG CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

Điều 5. Bão và áp thấp nhiệt đới

1. Đối với bão và áp thấp nhiệt đới ở cấp độ rủi ro là cấp độ 3
 - a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.
 - b) Cơ quan chỉ huy:
 - Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, Kiểm ngư, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe chuyên dụng, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

2. Đối với bão ở cấp độ rủi ro là cấp độ 4

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, Kiểm ngư, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

3. Đối với bão ở cấp độ rủi ro là cấp độ 5

Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, chỉ huy và huy động tổng lực các lực lượng của Thành phố để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 6. Mưa lớn, lũ, ngập lụt và nước dâng

1. Đối với mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: các loại ca nô, xuồng, trạm bơm, máy bơm nước và các trang thiết bị khác.

2. Đối với mưa lớn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2 và lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, trạm bơm, máy bơm nước, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị khác.

Điều 7. Gió mạnh trên biển: ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

1. Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn ven biển của huyện Cần Giờ.

3. Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, Kiểm ngư, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, huyện Cần Giờ, các xã - thị trấn của huyện Cần Giờ.

4. Phương tiện, trang thiết bị: các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, các loại phao, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

Điều 8. Sạt lở đất, sụt lún đất

1. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1:

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: máy cẩu, máy xúc, sà lan, ca nô, máy cắt bê tông, máy đục bê tông và các loại trang thiết bị khác.

2. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2:

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy cẩu, máy xúc, sà lan, ca nô, máy cắt bê tông, máy đục bê tông và các loại trang thiết bị khác.

Điều 9. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn

1. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi và các lực lượng của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: trạm bơm, máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, ngăn mặn, các thiết bị cấp nước và các trang thiết bị khác.

2. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: trạm bơm, máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, ngăn mặn, các thiết bị cấp nước và các trang thiết bị khác.

Điều 10. Lốc, sét, mưa đá, sương mù

1. Đối với lốc, sét, mưa đá, sương mù ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: lực lượng xung kích và lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: các loại máy cắt bê tông, máy đục bê tông, cưa máy và các trang thiết bị cần thiết khác.

2. Đối với lốc, sét, mưa đá, sương mù ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các loại xe cứu hộ, máy cắt bê tông, máy đục bê tông, cưa máy và các trang thiết bị cần thiết khác.

Điều 11. Động đất, sóng thần

1. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

b) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của cấp huyện, cấp xã.

c) Phương tiện, trang thiết bị: các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

2. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Y tế và các sở - ban - ngành liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: các lực lượng chuyên trách, Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

3. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 4

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn.

c) Lực lượng ứng cứu: các lực lượng chuyên trách, Quân đội, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, cấp huyện, cấp xã.

d) Phương tiện, trang thiết bị: các trang thiết bị cứu sập đổ công trình, tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, trang thiết bị y tế và các trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn khác.

4. Đối với động đất, sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 5

Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, chỉ huy và huy động tổng lực các lực lượng của Thành phố để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 12. Cháy rừng do tự nhiên

1. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

a) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có rừng.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có rừng.

b) Lực lượng ứng cứu: lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an thành phố Thủ Đức và các huyện, Kiểm lâm, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của địa phương có rừng.

c) Phương tiện, trang thiết bị: xe chữa cháy, máy bơm nước và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

2. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố và các đơn vị liên quan.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có rừng.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có rừng.

c) Lực lượng ứng cứu: Công an, Quân đội, Kiểm lâm, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an thành phố Thủ Đức và các huyện, Kiểm lâm, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của địa phương có rừng.

d) Phương tiện, trang thiết bị: xe chữa cháy, máy bơm nước và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

3. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 4

a) Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy:

- Cấp Thành phố: Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có rừng.

- Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn có rừng.

c) Lực lượng ứng cứu: Công an, Quân đội, Kiểm lâm, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của Thành phố, lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an thành phố Thủ Đức và các huyện, Kiểm lâm, lực lượng xung kích và các lực lượng khác của địa phương có rừng.

d) Phương tiện, trang thiết bị: máy bay trực thăng, xe chữa cháy, máy bơm nước và các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy khác.

4. Đối với cháy rừng do tự nhiên ở cấp độ rủi ro là cấp độ 5

Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, chỉ huy và huy động tổng lực các lực lượng của Thành phố để ứng phó, khắc phục hậu quả cháy rừng.

Điều 13. Đối với các loại thiên tai ở cấp độ rủi ro cấp 2, cấp 3: các cơ quan được phân công chỉ đạo, chỉ huy nếu vượt quá khả năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo, điều hành, xử lý trong từng tình huống thiên tai.

Chương IV **CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI** **THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI**

Điều 14. Bão và áp thấp nhiệt đới

Các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Khi vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

Điều 15. Mưa lớn, lũ, ngập lụt và nước dâng

1. Đối với mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án phòng chống, ứng phó với mưa lớn, xả lũ và ngập lụt tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với mưa lớn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2 và lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3

Các địa phương, đơn vị thực hiện theo Phương án chủ động phòng chống, ứng phó tình trạng ngập lụt do mưa lớn, triều cường và xả lũ trên địa bàn Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Khi vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

Điều 16. Gió mạnh trên biển

1. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án phòng chống, ứng phó với gió mạnh trên biển, trong đó tập trung cho công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên biển.

2. Các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển, trong vùng nước cảng biển và công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố.

Điều 17. Sạt lở đất, sụt lún đất

1. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1:

- Thông báo thường xuyên và liên tục các vị trí bờ sông, bờ biển có nguy cơ sạt lở để người dân biết, chủ động di dời; tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn;

- Thường xuyên kiểm tra các trường hợp xây dựng công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, bờ biển; nếu phát hiện công trình, vật kiến trúc xây dựng, xâm phạm trái phép thì kiên quyết xử phạt, buộc tháo dỡ, khôi phục lại nguyên trạng; tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nếu không chấp hành;

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện xây dựng công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, bờ biển đúng tiến độ;

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng chống, ứng phó với sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đất tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

2. Đối với sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2:

a) Công tác tổ chức phòng, tránh.

- Tiến hành cấm biển cảnh báo nguy hiểm sạt lở, phân loại mức độ sạt lở và sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó có biện pháp xử lý sạt lở phù hợp; trong đó, ưu tiên các vị trí tập trung dân cư đông, các công trình trọng điểm, công trình phục vụ quốc phòng - an ninh; tổ chức tuyên truyền cho Nhân dân sinh sống xung quanh để biết và chủ động phòng, tránh;

- Thường xuyên kiểm tra và xử lý đối với những trường hợp vi phạm, lấn chiếm trái phép hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, bờ biển và lập các bến bãi trái phép gây sạt lở trên địa bàn thành phố;

- Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; thường xuyên tổ chức kiểm tra các tuyến kè bảo vệ bờ sông, bờ biển đã được đầu tư xây dựng để kịp thời phát hiện các vị trí xuống cấp, hư hỏng và có kế hoạch duy tu, sửa chữa đảm bảo an toàn công trình nhằm phát huy hiệu quả phòng chống sạt lở;

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án sắp xếp, bố trí dân cư phòng tránh thiên tai tại thành phố Thủ Đức và các quận - huyện.

b) Công tác ứng phó và khắc phục hậu quả:

Các sở - ban - ngành, đơn vị Thành phố và các địa phương theo chức năng và nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng chống, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn Thành phố. Trong đó, tập trung một số nhiệm vụ sau:

- Khẩn trương, kịp thời ứng cứu người, trục vớt tài sản và đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra sạt lở, sụt lún;

- Tổ chức vận động và hỗ trợ Nhân dân di dời, sơ tán ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn; tổ chức tốt lực lượng thường xuyên chốt chặn tại các vị trí đã xảy ra sạt lở, sụt lún; kiên quyết không để người dân quay lại khu vực sạt lở, sụt lún để di dời tài sản hoặc ở lại các căn nhà có nguy cơ tiếp tục sạt lở, sụt lún; bảo vệ tài sản của hộ dân sau khi đã di dời, sơ tán.

- Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho Nhân dân.

Điều 18. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn

1. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

- Theo dõi chặt chẽ tình hình xâm nhập mặn tại các trạm quan trắc được bố trí tại các cửa sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Cần Giuộc, kênh Xáng, kênh Thầy Cai.

- Thông báo rộng rãi, kịp thời cho Nhân dân biết về diễn biến thời tiết, thiên tai, mức độ xâm nhập mặn, khuyến cáo người dân nuôi trồng thủy sản chủ động sử dụng nguồn nước phù hợp khi mặn tăng cao hoặc chủ động chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản phù hợp.

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng chống, ứng phó với nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

Các địa phương, đơn vị theo chức năng triển khai các nhiệm vụ sau:

- Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già;

- Kiểm tra, quản lý chặt chẽ nguồn nước, có biện pháp phân phối nước hợp lý, chống rò rỉ, thất thoát, tăng cường các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng (nhỏ giọt, phun mưa...);

- Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có;

- Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống kênh tưới để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt, phòng chống cháy rừng. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng chống hạn khi cần thiết;

- Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các cống lấy nước, trạm bơm nước tưới đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng chống cháy rừng, hạn chế ô nhiễm nguồn nước;

- Chủ động phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam xác định lịch xả nước của hồ Dầu Tiếng để chủ động thông báo đến các địa phương, đơn vị lấy nước, trữ nước đủ cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ các mục tiêu khác. Tận dụng nguồn nước xả đầy mặn nhà máy nước Tân Hiệp từ hồ Dầu Tiếng để lấy nước và trữ nước trên các trục kênh chính phục vụ sản xuất;

Ngoài ra, các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp theo Phương án Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô trên địa bàn Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Điều 19. Đối với cháy rừng do tự nhiên

Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng, chính quyền địa phương, tổ đội xung kích chữa cháy rừng, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nơi gần nhất, cơ quan Kiểm lâm khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tham gia chữa cháy rừng; trong trường hợp nguy cơ xảy ra cháy lớn vượt khả năng ứng cứu của lực lượng, phương tiện tại chỗ thì người chỉ huy chữa cháy cao nhất tại hiện trường báo cáo với Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng để được chỉ đạo về lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng.

Nguyên tắc chữa cháy: phát hiện sớm, dập tắt đám cháy kịp thời triệt để không để xảy ra cháy lớn, cháy lan.

1. Các biện pháp chữa cháy rừng

a) Xây dựng và vận hành quy trình chỉ đạo điều hành và chữa cháy rừng.

b) Xây dựng lực lượng và tổ chức đội hình chữa cháy rừng. Người chỉ huy chữa cháy phải nắm vững địa bàn rừng khi xảy ra cháy rừng: địa hình, nguồn nước,

hệ thống giao thông, loại cây, loại rừng, diện tích rừng dễ cháy, số lượng lực lượng tại chỗ, phương tiện, hậu cần tại chỗ và các công trình phòng cháy hiện có, khả năng ứng cứu, hỗ trợ của các địa phương liên kế.

c) Khi phát hiện đám cháy, tùy theo vị trí, tính chất, quy mô đám cháy (loại cháy, cường độ), địa hình, tốc độ gió mà huy động và tổ chức lực lượng chữa cháy cho phù hợp.

d) Nếu vượt quá tầm kiểm soát, Ban Chỉ huy cấp huyện phải báo ngay cho Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng để Trưởng ban phân công nhiệm vụ cụ thể, phát lệnh huy động nhân lực, phương tiện ứng cứu, chữa cháy rừng.

2. Các biện pháp kỹ thuật chữa cháy rừng

Khi xảy ra cháy rừng tùy tình hình thực tế có thể quyết định sử dụng các biện pháp chữa cháy thích hợp:

a) Biện pháp chữa cháy trực tiếp: sử dụng tất cả các phương tiện từ thủ công đến cơ giới tại chỗ tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa đối với những đám cháy diện tích nhỏ dưới 01 ha.

b) Biện pháp chữa cháy gián tiếp: dùng phương tiện, lực lượng để giới hạn đám cháy, thường được áp dụng cho các đám cháy lớn, phức tạp và diện tích đang cháy trên 01 ha và diện tích của khu rừng còn lại rất lớn.

c) Bố trí lực lượng chữa cháy:

Trong mọi tình huống các lực lượng tham gia chữa cháy luôn được phân thành những bộ phận chủ yếu, gồm: bộ phận chữa cháy, bộ phận hỗ trợ, bộ phận cứu nạn, cứu hộ và bộ phận hậu cần với các nhiệm vụ cụ thể;

- Bộ phận chữa cháy: có nhiệm vụ trực tiếp sử dụng mọi công cụ, phương tiện và biện pháp cần thiết để khống chế và dập tắt đám cháy được triển khai thành đội hình để tác nghiệp theo sự phân công của người chỉ huy hiện trường tại thời điểm;

- Bộ phận hỗ trợ: có nhiệm vụ hỗ trợ cùng bộ phận chữa cháy trong việc dẫn đường, vận chuyển máy móc, thiết bị chữa cháy đến hiện trường, bảo vệ trật tự, dẫn đường cho lực lượng tiếp ứng, giúp đưa người và tài sản của Nhân dân nếu có ra khỏi khu vực cháy;

- Bộ phận cứu nạn, cứu hộ: có nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, cấp cứu người bị nạn gồm nhân viên y tế của đơn vị chủ rừng và cán bộ, nhân viên của Trung tâm Y tế của địa phương được điều động đến đảm trách;

- Bộ phận hậu cần: làm nhiệm vụ tiếp nước, lương thực, nhiên liệu cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng trong trường hợp thời gian chữa cháy kéo dài.

Trong chữa cháy rừng phải đảm bảo kỹ thuật an toàn trong khi chữa cháy, phải nắm chắc đặc điểm vùng rừng dễ cháy. Công tác chuẩn bị dụng cụ, phương tiện chữa cháy phải đầy đủ và đảm bảo sử dụng tốt.

Điều 20. Lốc, sét, mưa đá, sương mù

1. Đối với lốc, sét, mưa đá ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch ứng phó với lốc, sét, mưa đá tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với lốc, sét, mưa đá ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2

a) Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch ứng phó với lốc, sét, mưa đá trên địa bàn Thành phố.

b) Các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn triển khai công tác phòng, tránh và ứng phó:

- Trên đất liền:

+ Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà ở để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy, mưa đá. Ở các cửa biển, ven biển, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi-măng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi xảy ra lốc xoáy;

+ Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

+ Khi có lốc xoáy cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn;

+ Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân những bản tin dự báo, cảnh báo mưa đá để chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác; hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc...;

+ Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

- Trên sông, biển:

Các cơ quan chức năng thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu, thuyền hoạt động trên sông, trên biển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh trên tàu, thuyền khi đang ở trên sông, trên biển;

+ Khi thấy lốc xoáy, mưa đá thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

+ Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu, thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

3. Đối với sương mù ở cấp độ rủi ro là cấp 1 và cấp 2

Khi có sương mù xuất hiện, người điều khiển phương tiện giao thông, tàu thuyền cần quan sát, giảm tốc độ và bật các thiết bị tín hiệu để nhận biết để lưu thông an toàn.

4. Công tác tổ chức khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra lốc, sét, mưa đá và tai nạn do sương mù làm hạn chế tầm nhìn gây ra, các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

- Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ cho người và tài sản;
- Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của lốc, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để Nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;
- Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;
- Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc;
- Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;
- Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho Nhân dân.

Điều 21. Động đất, sóng thần

1. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 1

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với động đất tại địa phương. Riêng huyện Cần Giờ triển khai phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó khi có cảnh báo hoặc xảy ra sóng thần. Tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Đối với động đất và sóng thần ở cấp độ rủi ro là cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5.

Các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo Phương án Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Khi vượt quá khả năng ứng phó của Thành phố, báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

Điều 22. Tổ chức di dời, sơ tán dân khi có thiên tai xảy ra

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn, các cơ quan chức năng tổ chức di dời, sơ tán dân trong các nhà ở không kiên cố, có khả năng bị đổ, sập và những khu vực xung yếu để đảm bảo an toàn tính mạng cho Nhân dân.

1. Huy động lực lượng gồm: Quân sự, Bộ đội biên phòng, Công an, Y tế, Chữ thập đỏ, Thanh niên xung phong, lực lượng xung kích... cùng các phương tiện để giúp dân di chuyển nhanh.

2. Phân công lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trực tiếp xuống địa bàn phường - xã - thị trấn tại khu vực phải di dời, sơ tán dân và các điểm tạm cư để kiểm tra, tổ chức thực hiện kế hoạch chu đáo, an toàn.

3. Bố trí lực lượng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, hậu cần, chăm lo đời sống cho người dân... tại nơi tạm cư và bảo vệ công trình, tài sản, nhà ở của người dân tại những nơi đã di dời, sơ tán.

4. Số hộ dân, số người dự kiến di dời, sơ tán

Khi bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố, số hộ dân, số người dự kiến di dời, sơ tán theo Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (Phụ lục I).

5. Các khu vực xung yếu và vị trí tránh trú an toàn

a) Các vị trí xung yếu:

- Đối với bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố, các vị trí xung yếu theo Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (Phụ lục II);

- Đối với mưa lớn, ngập lụt, lũ (xả lũ) và nước dâng, các vị trí xung yếu theo Phương án chủ động phòng chống, ứng phó tình trạng ngập lụt do mưa lớn, triều cường và xả lũ trên địa bàn Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (Phụ lục I);

- Đối với vị trí có nguy cơ sạt lở bờ sông (bao gồm cả kênh, rạch), bờ biển (theo Phụ lục I đính kèm) và theo công bố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Các vị trí tránh trú an toàn khi xảy ra thiên tai theo Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (Phụ lục II);

Chương V

TRÁCH NHIỆM PHÒNG CHỐNG, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 23. Trách nhiệm phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả đối với bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất, động đất, sóng thần

Các sở - ban - ngành, đơn vị Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện căn cứ chức năng triển khai các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào Thành phố; Phương án chủ động phòng chống, ứng phó tình trạng ngập lụt do mưa lớn, triều cường và xả lũ trên địa bàn Thành phố; Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển, trong vùng nước cảng biển và công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố; Phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn Thành phố.

Điều 24. Trách nhiệm phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, lốc, sét, mưa đá, sương mù

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn để phổ biến, cảnh báo tình hình thời tiết, thiên tai đến từng địa phương; khuyến cáo, hướng dẫn người dân chủ động chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp, sử dụng các chế phẩm sinh học làm sạch môi trường nước trong ao, đầm nhằm hạn chế thay nước tránh lãng phí.

b) Thường xuyên kiểm tra hoạt động các công trình thủy lợi, các cống lấy nước đảm bảo điều kiện các công trình thủy lợi vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường; điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

3. Các lực lượng vũ trang, gồm Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Công an Thành phố triển khai công tác ứng phó, sơ tán dân, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ Thành phố và các bệnh viện triển khai công tác sơ cấp cứu, cứu thương, chữa trị người bị nạn do thiên tai gây ra.

5. Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi

a) Có biện pháp quản lý phân phối nước hợp lý, sử dụng nước tiết kiệm và có hiệu quả, cấp nước cho sinh hoạt và trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Thường xuyên theo dõi, phát hiện, ngăn chặn kịp thời, tham mưu, đề xuất các đơn vị chức năng xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định vào hệ thống công trình thủy lợi, gây ô nhiễm nguồn nước.

b) Thường xuyên kiểm tra, duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi, đặc biệt là các cửa cống điều tiết để hạn chế thất thoát nguồn nước.

c) Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam trong việc tích trữ nước, mở nước đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất, ngăn mặn, có kế hoạch tích trữ nước trong nội đồng để tưới, giữ ẩm, chống cháy, tiêu xả phèn, ô nhiễm.

d) Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị và nhiên liệu sẵn sàng ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra.

6. Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên đảm bảo an toàn hệ thống, nguồn và lượng nước sạch cung cấp cho Thành phố; dự kiến các phương án tổ chức cung cấp nước sạch kịp thời cho người dân tại các khu vực bị mất nguồn nước và nguồn nước bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Triển khai kịp thời công tác ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra trên địa bàn mình quản lý.

b) Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị và nhiên liệu sẵn sàng ứng phó kịp thời khi cần huy động.

c) Thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước để đề phòng hiện tượng mùa khô và hạn hán kéo dài. Tổ chức thông báo rộng rãi cho Nhân dân biết về tình hình, diễn biến của thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời; khuyến cáo, hướng dẫn người dân chủ động chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp, sử dụng các chế phẩm sinh học làm sạch môi trường nước trong ao, đầm nhằm hạn chế thay nước tránh lãng phí.

d) Các địa phương bị thiệt hại do thiên tai có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (nhANH, đầy đủ, chính xác) và báo cáo cơ quan cấp trên kịp thời theo quy định.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn thuộc địa bàn quản lý

- Thực hiện công tác phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa bàn mình quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; những vấn đề vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo giải quyết.

- Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn bị thiệt hại do thiên tai có trách nhiệm kiểm tra, thống kê, đánh giá (nhANH, đầy đủ, chính xác) và báo cáo kịp thời cho cơ quan cấp trên theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả cháy rừng do tự nhiên

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm thường trực 24/24 giờ trong tất cả các ngày có dự báo cháy rừng từ cấp 3 trở nên, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; tiếp nhận tổng hợp tình hình, xử lý mọi thông tin về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, đề xuất những phương án, xử lý kịp thời, hiệu quả.

b) Phối hợp với Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố trong việc chỉ huy, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện kịp thời ứng cứu, chữa cháy rừng khi xảy ra cháy lớn.

2. Công an Thành phố

a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Thành lập, quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy và chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở.

- Kiểm tra việc thực hiện những yêu cầu, quy định về phòng cháy và chữa cháy, xử lý các vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản, an ninh trật tự tại khu vực xảy ra cháy rừng.

b) Phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc chỉ huy, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện kịp thời ứng cứu, chữa cháy rừng khi xảy ra cháy lớn.

3. Bộ Tư lệnh Thành phố

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an Thành phố trong việc chỉ huy, điều hành, huy động lực lượng, phương tiện kịp thời ứng cứu, chữa cháy rừng khi xảy ra cháy lớn.

b) Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thủ Đức và các huyện có rừng và các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn xây dựng phương án hiệp đồng trong phòng cháy, chữa cháy rừng; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện những quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng đối với những diện tích rừng được giao.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các huyện có rừng

a) Xây dựng Kế hoạch ứng phó cháy rừng để triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý.

b) Tổ chức xây dựng lực lượng xung kích tại chỗ, tổ chức luyện tập và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Huy động lực lượng ứng cứu, chữa cháy rừng khi vượt quá khả năng chữa cháy của lực lượng tại chỗ.

5. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn có rừng

a) Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục ý thức phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc chủ rừng, chủ đất có cây lâm nghiệp thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

c) Huy động lực lượng tại chỗ cứu chữa cháy rừng, báo cáo kịp thời diễn biến vụ cháy và đề xuất các biện pháp chữa cháy cho cấp trên quản lý trực tiếp.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân cháy và khắc phục hậu quả sau cháy.

6. Đối với chủ rừng

a) Chủ rừng phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm toàn diện về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên diện tích được giao quản lý, sử dụng.

b) Thực hiện nghiêm chế độ thường trực, tuần tra canh gác tại rừng, tổ chức lực lượng chữa cháy kịp thời và báo cáo theo quy định.

c) Phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân vụ cháy rừng.

d) Có biện pháp tích cực, kịp thời khắc phục hậu quả sau cháy rừng xảy ra.

Điều 26. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời phải trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của đơn vị, địa phương mình thực hiện nhiệm vụ được phân công khi thiên tai xảy ra. Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp thực hiện theo nhiệm vụ và địa bàn được phân công phụ trách.

Điều 27. Các tổ chức, lực lượng đóng trên địa bàn Thành phố phải chịu mọi sự điều động và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện, đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo quá trình xử lý sự cố thiên tai được kịp thời, nhanh chóng và an toàn cho Nhân dân.

Điều 28. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Điều 29. Các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ Phương án này rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng Phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tại địa phương, đơn vị mình.

Chương VI

LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHỐNG, ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Điều 30. Lực lượng

Lực lượng dự kiến huy động từ các cấp, các ngành tham gia công tác phòng chống, ứng phó khi xảy ra thiên tai đảm bảo khoảng 38.610 người. Trong đó, lực lượng nòng cốt của Thành phố Hồ Chí Minh là 4.240 người; lực lượng của thành phố Thủ Đức và các quận - huyện là 9.356 người; lực lượng các phường - xã - thị trấn là 25.014 người. Tùy theo tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu (*chi tiết theo Phụ lục II đính kèm*).

Điều 31. Phương tiện, trang thiết bị

Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động để phòng chống, ứng phó với thiên tai gồm có phương tiện, trang thiết bị cơ động, chi viện của các sở, ngành, đơn vị Thành phố và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của thành phố Thủ Đức và các quận - huyện (*chi tiết theo Phụ lục III đính kèm*).

Phương án này được phổ biến đến các cấp, các ngành, thông tin rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân, các đơn vị, doanh nghiệp và đăng tải trên trang web của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (địa chỉ: <http://www.phongchonglutbaotphcm.gov.vn> mục Phòng chống thiên tai/Phương án)/.

Phụ lục I
Các vị trí có nguy cơ sạt lở trên địa bàn Thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Vị trí sạt lở	Tuyến sông, kênh, rạch	Phạm vi sạt lở (m) dài x rộng	Đánh giá mức độ sạt lở	Ghi chú
I. Thành phố Thủ Đức (07 vị trí)					
1	Rạch Giồng Ông Tố, bờ phải, thượng và hạ lưu cầu Giồng Ông Tố 1, phường An Phú	Rạch Giồng Ông Tố	150m mỗi bên mô cầu	Đặc biệt nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân xung quanh bị ảnh hưởng (19 hộ).
2	Rạch Giồng Ông Tố, bờ trái, thượng và hạ lưu cầu Giồng Ông Tố 1, phường Bình Trưng Tây				
3	Sông Đồng Nai, bờ phải, đoạn từ phà Cát Lái về phía hạ lưu đến xưởng đóng tàu Saigon Shipyard, phường Thạnh Mỹ Lợi	Sông Đồng Nai	225 x 5	Nguy hiểm	- Một số hộ dân xây dựng nhà sàn sát mép sông, có hiện tượng lún, nứt nghiêng ra sông; - Ảnh hưởng trực tiếp 30 hộ dân.
4	Sông Sài Gòn, bờ trái, khu vực ký túc xá Đại học Mỹ Thuật, phường Hiệp Bình Chánh	Sông Sài Gòn	150 x 5	Nguy hiểm	- Đây là khu vực tập trung dân cư; - Có 2 nhà dân lân cận bị ảnh hưởng.
5	Sông Sài Gòn, bờ trái, khu vực đình Bình Phước, ngã ba rạch Vĩnh Bình - sông Sài Gòn, khu phố 1, phường Hiệp Bình Phước		250 x 10		- Đây là khu dân cư tập trung; - Có 2 nhà dân bị ảnh hưởng.
6	Sông Sài Gòn, bờ trái, khu vực nhà thờ Fatima, phường Hiệp Bình Chánh	Sông Sài Gòn	300 x 10	Nguy hiểm	Nhà dân cách khu vực sạt lở khoảng 15m, có công trình kê của nhà thờ Fatima lân cận (80 hộ ảnh hưởng).
7	Sông Đồng Nai (khu vực Trạm cảnh sát đường thủy Cát Lái), phường Thạnh Mỹ Lợi	Sông Đồng Nai	50 x 2	Nguy hiểm	Ảnh hưởng trực tiếp đến trụ sở của Trạm cảnh sát đường thủy Cát Lái.

TT	Vị trí sạt lở	Tuyến sông, kênh, rạch	Phạm vi sạt lở (m) dài x rộng	Đánh giá mức độ sạt lở	Ghi chú
II. Huyện Nhà Bè (07 vị trí)					
8	Bờ trái, cầu Phước Lộc về phía hạ lưu 1.000m, xã Phước Kiển	Rạch Ông Lớn 2 - Phước Kiển - Mương Chuối	415 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	Khu vực đông dân cư.
9	Bờ trái từ cầu Long Kiển về thượng lưu 100m, về hạ lưu 630m	Sông Phước Kiển	630 x 10	Nguy hiểm	Khu vực có nhiều cụm dân cư sát bờ (dân chưa chấp thuận di dời).
10	Bờ phải, thượng lưu cầu Phước Lộc	Rạch Ông Lớn 2 - Phước Kiển - Mương Chuối	247 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	Đây là khu vực tập trung dân cư.
11	Bờ phải từ cầu Long Kiển về thượng lưu 146m	Sông Phước Kiển	146 x 10	Đặc biệt nguy hiểm	Có nhiều cụm dân cư sát bờ.
12	Rạch Giồng, bờ phải, từ rạch Gò Me đến tiếp giáp kè tổ 3, ấp 4	Rạch Giồng	480 x 2	Nguy hiểm	- Ảnh hưởng khoảng 22 hộ dân; - Vị trí đã xảy ra sạt lở vào ngày 25/11/2018 đoạn giáp kè Trung tâm Quản lý đường thủy làm chủ đầu tư.
13	Rạch Giồng - sông Kinh Lộ, bờ trái, đoạn từ Dự án kè chống sạt lở Trâm Bầu đến tiếp giáp Dự án kè chống sạt lở rạch Giồng - sông Kinh Lộ, đoạn 2, xã Hiệp Phước	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	230 x 4	Nguy hiểm	Bên trong là nhà dân sinh sống gần các vị trí bị xói lở, hỏ hàm ếch.
14	Rạch Giồng - sông Kinh Lộ, bờ trái, đoạn từ cầu Mương Bằng đến tiếp giáp kè hiện hữu, xã Hiệp Phước	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	250 x 4	Nguy hiểm	Bên trong là nhà dân sinh sống gần các vị trí bị xói lở, hỏ hàm ếch.
III. Huyện Bình Chánh (04 vị trí)					
15	Rạch Xóm Củi, bờ trái, từ cầu Xóm Củi về thượng lưu 100m, xã Bình Hưng	Rạch Xóm Củi	570 x 2	Đặc biệt nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung 146 hộ (có 25 hộ dân nằm trong vùng sạt lở nguy hiểm cần di dời khẩn cấp).

TT	Vị trí sạt lở	Tuyến sông, kênh, rạch	Phạm vi sạt lở (m) dài x rộng	Đánh giá mức độ sạt lở	Ghi chú
16	Bờ phải sông Cần Giuộc ấp 2 xã Qui Đức (phía sau trụ sở UBND xã Qui Đức)	Sông Cần Giuộc	160 x 7	Nguy hiểm	Nằm trong khu vực có 20 hộ dân sinh sống.
17	Bờ phải sông Chợ Đệm - Bến Lức, xã Tân Kiên	Sông Chợ Đệm - Bến Lức	30 x 4	Đặc biệt nguy hiểm	- Khu vực có 02 nhà sống ven sông; - Phạm vi ảnh hưởng chiều dài dọc bờ là 5m.
18	Sông Chợ Đệm - Bến Lức (khu vực cầu Chợ Đệm), thị trấn Tân Túc	Sông Chợ Đệm - Bến Lức	200 x 4	Nguy hiểm	Đây là khu vực tập trung dân cư.

IV. Huyện Cần Giờ (05 vị trí)

19	Km00+500, bờ trái tuyến Tắc An Nghĩa (cách hạ lưu cầu An Nghĩa khoảng 400m), ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông	Tắc An Nghĩa	60 x 20	Đặc biệt nguy hiểm	Khu vực tập trung đông dân cư.
20	Sông Lòng Tàu, khu vực đường thủy số 5, xã Tam Thôn Hiệp (từ trạm đường thủy số 5 đến rạch Tắc Cát)	Sông Lòng Tàu	328 x 20	Nguy hiểm	- Bên trong là khu dân cư và trục chính đường Tam Thôn Hiệp, phía ngoài là trụ sở của Trạm đường thủy số 5; - Ảnh hưởng 20 hộ dân.
21	Sông Lòng Tàu, tổ 37, ấp Trần Hưng Đạo, xã Tam Thôn Hiệp (đoạn từ kè đá tổ 39, ấp Trần Hưng Đạo đến nhà ông Tư Chấm)	Sông Lòng Tàu	614 x 35	Nguy hiểm	- Sạt lở làm biến cảnh báo sạt lở bị sạt xuống sông; - Bên trong là khu dân cư và trục chính đường Tam Thôn Hiệp; - Ảnh hưởng 40 hộ dân.
22	Kênh Bà Tổng, ấp An Hòa, xã An Thới Đông (khu vực kè Bà Tổng đến nhà ông Nguyễn Văn Năm)	Kênh Bà Tổng	874 x 10	Nguy hiểm	- Bên trong là khu dân cư và đường bê tông nông thôn; - Ảnh hưởng 50 hộ dân.
23	Sông Soài Rạp (đoạn từ Kênh Ngay đến bến đò Doi Lầu), xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ	Sông Soài Rạp	500 x 10	Nguy hiểm	Bên trong là đường giao thông nông thôn, hệ thống điện, cống thủy lợi.

TT	Vị trí sạt lở	Tuyến sông, kênh, rạch	Phạm vi sạt lở (m) dài x rộng	Đánh giá mức độ sạt lở	Ghi chú
V. Quận Bình Thạnh (05 vị trí)					
24	Sông Sài Gòn - ngã ba sông Sài Gòn - thượng lưu kênh Thanh Đa đến xưởng cơ khí Tiền Phong	Sông Sài Gòn	2.797 x 10	Nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân bị ảnh hưởng.
25	Sông Sài Gòn, từ xưởng cơ khí Tiền Phong đến ngã ba rạch Chùa	Sông Sài Gòn	4.270 x 10	Nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân bị ảnh hưởng.
26	Sông Sài Gòn, từ rạch Chùa đến ngã ba sông Sài Gòn - hạ lưu kênh Thanh Đa	Sông Sài Gòn	2.772 x 10	Nguy hiểm	Khu dân cư tập trung (khu vực biệt thự Lý Hoàng, có 3 hộ dân bị ảnh hưởng).
27	Sông Sài Gòn, bờ phải, từ ngã 3 kênh Thanh Đa - sông Sài Gòn về phía hạ lưu 550m	Sông Sài Gòn	100 x 7	Nguy hiểm	- Đây là khu vực đất quốc phòng (Kho xăng dầu VK 102 Phường 25 do Bộ tư lệnh Quân khu 7 quản lý); - Thượng lưu tiếp giáp Bờ kè Thanh Đa 1.1; hạ lưu tiếp giáp khu dân cư và khu đất của Công ty than miền Nam.
28	Kênh Thanh Đa, bờ phải, đoạn kè 1.1, cách hạ lưu cầu Kinh khoảng 50m, Phường 25	Kênh Thanh Đa	Dài 120m	Đặc biệt nguy hiểm	- Đây là công trình kè bảo vệ bờ kênh Thanh Đa - Đoạn 1.1, Phường 25, quận Bình Thạnh do Trung tâm Quản lý đường thủy quản lý, khai thác, vận hành hiện bị sụp lún, sạt lở; - Ảnh hưởng khu dân cư sinh sống tập trung, đặc biệt là 15 hộ dân có nhà ở tiếp giáp kè.
VI. Quận 12 (02 vị trí)					
29	Sông Sài Gòn, bờ phải, khu vực quán cà phê Giao Khẩu, khu phố 3C, phường Thạnh Lộc, Quận 12	Sông Sài Gòn	40 x 20	Nguy hiểm	Ảnh hưởng đất của hộ dân kinh doanh quán cà phê. Nguy cơ ảnh hưởng đến đề bao bờ hữu sông Sài Gòn.

TT	Vị trí sạt lở	Tuyến sông, kênh, rạch	Phạm vi sạt lở (m) dài x rộng	Đánh giá mức độ sạt lở	Ghi chú
30	Sông Sài Gòn, bờ phải, khu vực đình Giao Khẩu, phường Thanh Lộc, Quận 12	Sông Sài Gòn	Dài 30m	Nguy hiểm	Nguy cơ ảnh hưởng đến đình Giao Khẩu, khu dân cư.
VI. Hóc Môn (01 vị trí)					
31	Sông Sài Gòn, gói thầu 4A (đoạn từ cống SG18 đến cống SG17B), dự án công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn	Sông Sài Gòn	75 x 3	Nguy hiểm	Ảnh hưởng khoảng 69ha và 726 hộ dân với 2.600 nhân khẩu thuộc ấp 3, xã Nhị Bình.
VII. Củ Chi (01 vị trí)					
32	Sông Sài Gòn, gói thầu 1D (đoạn từ cầu Phú Cường đến cầu Bà Bép), dự án công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi	Sông Sài Gòn	300 x 3	Nguy hiểm	Đây là khu dân cư tập trung, có nhiều hộ dân bị ảnh hưởng.

PHỤ LỤC II
Lực lượng dự kiến huy động
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	LỰC LƯỢNG	THÀNH PHỐ	THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC VÀ CÁC QUẬN, HUYỆN	PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN	TỔNG CỘNG
1	Quân sự	740	2.856	3.220	6.816
2	Bộ đội biên phòng	400			400
3	Công an	1.100	2.000	600	3.700
4	Y tế	500	1.100		1.600
5	Hội Chữ thập đỏ	100	900		1.000
6	Doanh nghiệp Công ích		1.000		1.000
7	Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị	400			400
8	Công ty TNHH MTV QL KT dịch vụ Thủy lợi	200			200
9	Thanh niên xung phong	800			800
10	Lực lượng xung kích		1.500	21.194	22.694
Tổng cộng các lực lượng		4.240	9.356	25.014	38.610

Phụ lục III
Phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng huy động phục vụ
phòng chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
I	Phương tiện dự kiến huy động				
1	Phương tiện vận tải đường bộ	Xe ô tô dưới 40 chỗ	chiếc	162	Công an TP (10); Sở TN và MT (7); Sở Lao động TBXH (28); Lực lượng TNXP TP (3); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (4); Cảng vụ Hàng hải TP (2); Sở Y tế (2); Sở Xây dựng (1); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (31); Quận 3 (2); Quận 4 (1); Quận 6 (3); Quận 11 (7); quận Tân Bình (8); quận Bình Tân (17); huyện Bình Chánh (1); huyện Củ Chi (1); huyện Nhà Bè (10); huyện Cần Giờ (21).
2		Xe tải	chiếc	248	Bộ Tư lệnh TP (2); Công an TP (20); Sở TN và MT (2); Sở Lao động TBXH (7); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (5); TP.Thủ Đức (48); Quận 1 (20); Quận 3 (4); Quận 4 (15); Quận 5 (1); Quận 6 (3); Quận 7 (9); Quận 11 (22); Quận 12 (13); quận Tân Bình (3); quận Bình Thạnh (42); huyện Bình Chánh (2); huyện Củ Chi (2); huyện Nhà Bè (1); huyện Cần Giờ (27).
3	Phương tiện cứu hộ cứu nạn trên sông, biển	Ca nô	chiếc	47	Bộ Tư lệnh TP (4); Công an TP (3); Sở Lao động TBXH (1); Lực lượng TNXP TP (2); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (1); Trung tâm QL đường thủy (18); Cảng vụ Hàng hải TP (5); Chi cục Thủy sản (1); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (3); Quận 8 (1); Quận 12 (1); quận Gò Vấp (1); quận Bình Thạnh (2); huyện Nhà Bè (3); huyện Cần Giờ (1).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
4		Xuồng cứu hộ	chiếc	35	BCH Bộ đội biên phòng TP (4); Bộ Tư lệnh TP (2); Công an TP (3); Lực lượng TNXP TP (07); TP. Thủ Đức (5); Quận 7 (1); Quận 8 (1); Quận 12 (4); quận Tân Phú (1); huyện Bình Chánh (1); huyện Củ Chi (1); huyện Hóc Môn (1); huyện Nhà Bè (1); quận Bình Tân (2); huyện Cần Giờ (1).
5		Ghe cứu hộ	chiếc	51	Lực lượng TNXP TP (3); huyện Cần Giờ (48).
6		Tàu kéo	chiếc	2	Lực lượng TNXP TP (1); Trung tâm QL đường thủy (1).
7		Tàu tìm kiếm cứu nạn	chiếc	16	Huyện Cần Giờ (5); BCH Bộ đội biên phòng TP (2); Trung tâm QL đường thủy (6); Cảng vụ Hàng hải TP (1); Chi cục Thủy sản (2).
8		Phà (tàu chở khách)	chiếc	20	Lực lượng TNXP TP (20).
9		Thuyền các loại	chiếc	6	Bộ Tư lệnh TP (1); Cảng vụ Hàng hải TP (1); Sở Lao động TBXH (1); TP.Thủ Đức (1); huyện Cần Giờ (2).
10	Phương tiện cứu hộ cứu nạn sập đổ công trình	Xe cứu hộ	chiếc	8	Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (1); Quận 3 (1); Quận 6 (1); Quận 12 (4).
11		Máy công trình (máy xúc, máy ủi, máy lu,...)	chiếc	15	Bộ Tư lệnh TP (4); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (4); huyện Cần Giờ (7).
12	Phương tiện y tế	Xe cứu thương	chiếc	24	Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (2); Sở Lao động TBXH (4); Hội Chữ thập đỏ TP (1); Quận 3 (2); Quận 5 (2); Quận 11 (4); quận Tân Bình (3); huyện Bình Chánh (1); huyện Củ Chi (1); huyện Cần Giờ (4).
II	Trang thiết bị dự kiến huy động				

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
1	Trạm bơm, trang thiết bị chống ngập	Máy bơm nước	cái	320	Công an TP (2); Bộ Tư lệnh TP (2); Lực lượng TNXP TP (15); Chi cục Thủy sản (2); Công ty TNHH QLKT dịch vụ Thủy lợi (35); Sở Lao động TBXH (140); TP. Thủ Đức (30); Quận 4 (15); Quận 6 (1); Quận 7 (3); Quận 8 (11); Quận 10 (7); Quận 11 (3); Quận 12 (14); quận Tân Phú (6); quận Tân Bình (2); quận Gò Vấp (7); huyện Cần Giờ (4); huyện Nhà Bè (5); huyện Bình Chánh (13), huyện Củ Chi (9).
2		Trạm bơm	trạm	27	Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật TP (19), Công ty TNHH QLKT dịch vụ Thủy lợi (8).
3	Trang thiết bị chỉ huy	Trang thiết bị thông tin (máy bộ đàm)	cái	603	Lực lượng TNXP TP (158); Chi cục Thủy sản (6); TP.Thủ Đức (35); Quận 3 (140); Quận 5 (9); Quận 6 (45); Quận 7 (40); Quận 10 (129); quận Tân Bình (10); quận Tân Phú (3); quận Bình Tân (1); huyện Củ Chi (2); huyện Cần Giờ (25).
4		Điện thoại vệ tinh	cái	39	Thành ủy (4); Ủy ban nhân dân TP (3); VPTT BCH PTDS – PCTT và TKCN (3); Bộ Tư lệnh TP (3); BCH Bộ đội biên phòng TP (3); Công an TP (6); Lực lượng TNXP TP (1); Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam TP (1); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (1); Sở Giao thông vận tải (1); Sở Tài chính (1); Sở TN và MT (1); Sở Y tế (1); Sở TT và TT (2); Sở Công Thương (1); Sở Xây dựng (1); Tổng Công ty Điện lực TP (1); Chi cục Thủy sản (1); Đài KTTV Nam Bộ (1); Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh (1); huyện Cần Giờ (2).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
5	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn trên sông, biển	Áo phao	chiếc	15.251	Bộ Tư lệnh TP (1.012); BCH Bộ đội biên phòng TP (967); Công an TP (500); Lực lượng TNXP TP (895); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (134); Trung tâm QL đường thủy (76); Cảng vụ Hàng hải TP (71); Chi cục Thủy sản (600); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (40); TP.Thủ Đức (761); Quận 1 (45); Quận 3 (205); Quận 4 (300); Quận 5 (135); Quận 6 (520); Quận 7 (764); Quận 8 (1.540); Quận 10 (55); Quận 11 (155); Quận 12 (669); quận Gò Vấp (430); quận Phú Nhuận (488); quận Tân Bình (150); quận Tân Phú (220); quận Bình Tân (393); quận Bình Thạnh (523); huyện Bình Chánh (235); huyện Củ Chi (596); huyện Hóc Môn (400); huyện Nhà Bè (949); huyện Cần Giờ (1.423).
6		Phao tròn	chiếc	8.677	Bộ Tư lệnh TP (325); BCH Bộ đội biên phòng TP (1.357); Công an TP (500); Lực lượng TNXP TP (40); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (6); Trung tâm QL đường thủy (14); Cảng vụ Hàng hải TP (5); Chi cục Thủy sản (411); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (10); TP.Thủ Đức (358); Quận 1 (20); Quận 3 (39); Quận 4 (74); Quận 5 (100); Quận 6 (100); Quận 7 (532); Quận 8 (1.010); Quận 10 (3); Quận 11 (50); Quận 12 (160); quận Gò Vấp (265); quận Phú Nhuận (490); quận Tân Bình (110); quận Tân Phú (80); quận Bình Tân (350); quận Bình Thạnh (481); huyện Bình Chánh (292); huyện Củ Chi (413); huyện Hóc Môn (170); huyện Nhà Bè (892); huyện Cần Giờ (20).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
7		Phao bè	chiếc	109	Bộ Tư lệnh TP (9); BCH Bộ đội biên phòng TP (22); Công an TP (10); Lực lượng TNXP TP (2); Cảng vụ Hàng hải TP (1); TP.Thủ Đức (24); Quận 4 (1); Quận 5 (10); Quận 6 (5); Quận 7 (4); Quận 8 (7); Quận 12 (13); quận Gò Vấp (2); quận Phú Nhuận (14); quận Bình Thạnh (1); huyện Bình Chánh (12); huyện Củ Chi (20); huyện Nhà Bè (2); huyện Cần Giờ (4).
8		Phao dây	cuộn	141	Công an TP (9); TP.Thủ Đức (17); Quận 12 (20); huyện Bình Chánh (30).
9		Thiết bị bắn dây mồi	khẩu	3	Công an TP (2); huyện Cần Giờ (1).
10		Pháo hiệu dù báo bão	viên	300	BCH Bộ đội biên phòng TP (300).
11		Ống nhôm	cái	16	Lực lượng TNXP TP (6); Quận 5 (2); Quận 12 (3); quận Gò Vấp (3); huyện Cần Giờ (2).
12	Trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn dưới nước	Bộ khí tài lặn cấp khí bề mặt	bộ	3	Huyện Củ Chi (3).
13		Máy đo độ sâu	cái	1	Cảng vụ Hàng hải TP (1).
14		Camera quan sát dưới nước	chiếc	1	Bộ Tư lệnh TP (1).
15		Bộ đồ lặn	chiếc	48	Bộ Tư lệnh TP (10); BCH Bộ đội biên phòng TP (8); Công an TP (20); Quận 3 (1); huyện Bình Chánh (2).
16		Thiết bị thở	chiếc	2	Huyện Củ Chi (2).
17		Quần áo bơi chống mất nhiệt	bộ	5	BCH Bộ đội biên phòng TP (5).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
18	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn sập đổ công trình	Thiết bị (cắt, khoan, đục, phá dỡ, chèn)	cái	171	Bộ Tư lệnh TP (5); BCH Bộ đội biên phòng TP (5); Công an TP (1); Sở Lao động TBXH (2); Lực lượng TNXP TP (3); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (8); TP.Thủ Đức (14); Quận 1 (5); Quận 4 (9); Quận 5 (6); Quận 6 (9); Quận 7 (7); Quận 8 (12); Quận 10 (18); quận Gò Vấp (1); quận Phú Nhuận (10); quận Tân Bình (10); quận Tân Phú (6); quận Bình Tân (4); huyện Bình Chánh (7); huyện Hóc Môn (3); huyện Nhà Bè (9); huyện Cần Giờ (27).
19		Thiết bị cứu sập đổ công trình	chiếc	18	Bộ Tư lệnh TP (4); Quận 4 (7); huyện Củ Chi (1); huyện Cần Giờ (6).
20		Pa lăng	cái	7	Lực lượng TNXP TP (2); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (5).
21		Bộ CHCN thủy lực	bộ	5	Công an TP (1); Quận 4 (1); quận Tân Bình (1); huyện Củ Chi (2).
22		Thang các loại	cái	35	Quận 1 (5); TP.Thủ Đức (10); Quận 10 (14); Quận 11 (2); quận Phú Nhuận (2); huyện Cần Giờ (2).
23		Thiết bị phanh cắt thủy lực	bộ	49	Bộ Tư lệnh TP (2); BCH Bộ đội biên phòng TP (3); TP.Thủ Đức (11); Quận 3 (2); Quận 4 (2); Quận 5 (1); Quận 6 (1); Quận 10 (4); quận Phú Nhuận (5); quận Tân Bình (9); quận Tân Phú (3); quận Bình Tân (3); huyện Bình Chánh (1); huyện Cần Giờ (4).
24		Đèn chiếu sáng các loại	chiếc	488	Bộ Tư lệnh TP (6); Công an TP (10); Sở Lao động TBXH (10); Lực lượng TNXP TP (68); TP.Thủ Đức (265); Quận 4 (62); Quận 6 (4); Quận 10 (2); Quận 12 (2); huyện Củ Chi (34); huyện Cần Giờ (30).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
25		Giàn đèn chiếu sáng	chiếc	10	Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (1); Quận 4 (1); Quận 6 (4); quận Tân Bình (1); huyện Cần Giờ (2).
26		Dụng cụ cứu hộ đa năng	bộ	3	Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (1); Nhà Bè (1).
27		Trang phục bảo hộ	bộ	558	Bộ Tư lệnh TP (70); Sở TN và MT (10); Quận 3 (14); Quận 4 (69); Quận 6 (10); Quận 11 (175); quận Tân Bình (16); huyện Bình Chánh (42); huyện Củ Chi (120); huyện Cần Giờ (32).
28	Trang thiết bị, vật tư y tế	Máy tạo oxy và nén cao áp đồng bộ	chiếc	4	Sở TN và MT (3); huyện Củ Chi (1).
29		Máy thở oxy khẩn cấp	cái	2	Bộ Tư lệnh TP (2).
30		Cáng cứu thương	bộ	333	Công an TP (3); Sở Lao động TBXH (24); TP.Thủ Đức (6); Quận 1 (5); Quận 3 (3); Quận 4 (14); Quận 5 (4); Quận 6 (31); Quận 7 (10); Quận 8 (36); Quận 10 (10); Quận 11 (23); Quận 12 (10); quận Phú Nhuận (20); quận Tân Bình (23); quận Tân Phú (47); quận Bình Thạnh (16); huyện Bình Chánh (1); huyện Củ Chi (14); huyện Cần Giờ (33).
31		Dụng cụ băng bó cứu thương	bộ	587	Công an TP (3); Sở Lao động TBXH (51); Lực lượng TNXP TP (1); Sở Giáo dục và Đào tạo (256); TP.Thủ Đức (11); Quận 1 (48); Quận 4 (11); Quận 7 (10); Quận 8 (78); Quận 11 (46); quận Tân Bình (17); quận Tân Phú (17); quận Bình Thạnh (12); huyện Củ Chi (21); huyện Cần Giờ (5).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
32	Trang thiết bị cấp nguồn điện	Máy phát điện	cái	268	Bộ Tư lệnh TP (1); Công an TP (10); Sở TN và MT (33); Lực lượng TNXP TP (12); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (8); Trung tâm QL đường thủy (1); Cảng vụ Hàng hải TP (6); Chi cục Thủy sản (2); Sở Lao động TBXH (23); Thanh tra Sở Giao thông vận tải (1); Sở Giáo dục và Đào tạo (56); TP.Thủ Đức (24); Quận 1 (2); Quận 3 (1); Quận 4 (1); Quận 5 (5); Quận 6 (1); Quận 7 (6); Quận 8 (4); Quận 10 (2); Quận 11 (6); Quận 12 (6); quận Gò Vấp (1); quận Phú Nhuận (5); quận Tân Bình (5); quận Tân Phú (16); quận Bình Thạnh (3); huyện Bình Chánh (3); huyện Củ Chi (4); huyện Nhà Bè (6); huyện Cần Giờ (14).
33	Trang thiết bị khác	Đèn pin	chiếc	1.897	Bộ Tư lệnh TP (5); BCH Bộ đội biên phòng TP (18); Công an TP (38); Sở Xây dựng (10); TP.Thủ Đức (265); Quận 1 (41); Quận 3 (15); Quận 4 (40); Quận 5 (97); Quận 6 (141); Quận 7 (278); Quận 8 (39); Quận 10 (88); quận Gò Vấp (266); quận Tân Bình (87); quận Tân Phú (36); quận Bình Tân (77); quận Bình Thạnh (96); huyện Bình Chánh (2); huyện Củ Chi (57); huyện Hóc Môn (57); huyện Nhà Bè (122); huyện Cần Giờ (22).
34		Cuốc và xẻng	cái	2.206	BCH Bộ đội biên phòng TP (15); Công an TP (30); Sở Lao động TBXH (20); Lực lượng TNXP TP (20); TP.Thủ Đức (195); Quận 1 (45); Quận 3 (26); Quận 4 (41); Quận 5 (10); Quận 6 (157); Quận 7 (425); Quận 8 (220); Quận 10 (60); Quận 11 (63); quận Phú Nhuận (210); quận Tân Bình (50); quận Tân Phú (100); quận Bình Tân (47); huyện Bình Chánh (100); huyện Củ Chi (30); huyện Hóc Môn (120); huyện Nhà Bè (222).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
35		Xà beng	cái	69	Quận 1 (5); Quận 3 (18); Quận 5 (46).
36		Búa các loại	cái	594	Công an TP (10), Lực lượng TNXP TP (10); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (19); Sở Xây dựng (1); TP.Thủ Đức (74); Quận 1 (50); Quận 3 (3); Quận 4 (24); Quận 5 (2); Quận 7 (12); Quận 8 (23); Quận 10 (34); Quận 11 (58); Quận 12 (13); quận Bình Tân (11); quận Tân Bình (43); quận Tân Phú (13); quận Phú Nhuận (80); quận Gò Vấp (12); huyện Nhà Bè (77); huyện Bình Chánh (5) huyện Hóc Môn (19); huyện Củ Chi (12).
37		Cửa máy các loại	cái	335	BCH Bộ đội biên phòng TP (24); Công an TP (5); Sở Lao động TBXH (4); Công ty Công viên cây xanh (10); Lực lượng TNXP TP (8); Công ty QLKT dịch vụ Thủy lợi (5); TP.Thủ Đức (48); Quận 1 (8); Quận 3 (7); Quận 4 (18); Quận 5 (1); Quận 6 (7); Quận 7 (12); Quận 8 (15); Quận 10 (22); Quận 11 (4); Quận 12 (12); quận Gò Vấp (4); quận Phú Nhuận (10); quận Tân Bình (12); quận Bình Tân (16); quận Bình Thạnh (5); huyện Bình Chánh (5); huyện Củ Chi (19); huyện Hóc Môn (14); huyện Nhà Bè (1); huyện Cần Giờ (39).
38		Loa phóng thanh cầm tay	cái	327	BCH Bộ đội biên phòng TP (23); Lực lượng TNXP TP (7); Chi cục Thủy sản (2); TP.Thủ Đức (81); Quận 1 (15); Quận 3 (19); Quận 4 (21); Quận 5 (22); Quận 10 (3); Quận 11 (48); Quận 12 (21); quận Gò Vấp (3); quận Tân Bình (15); quận Bình Tân (33); quận Bình Thạnh (8); huyện Củ Chi (1); huyện Cần Giờ (5).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
39		Kèm cộng lực	cái	353	Công an TP (20); Lực lượng TNXP TP (2); TP.Thủ Đức (32); Quận 1 (50); Quận 3 (12); Quận 4 (30); Quận 5 (1); Quận 10 (3); Quận 11 (19); Quận 12 (2); quận Bình Tân (19); quận Tân Bình (25); quận Tân Phú (9); quận Phú Nhuận (17); quận Gò Vấp (4); huyện Hóc Môn (16); huyện Củ Chi (3); huyện Cần Giờ (7); huyện Nhà Bè (53); huyện Bình Chánh (29).
40		Nón bảo hộ	chiếc	1.339	TP.Thủ Đức (329); Quận 1 (60); Quận 4 (275); Quận 10 (50); Quận 12 (110); quận Phú Nhuận (300); quận Bình Tân (164); huyện Củ Chi (10); huyện Cần Giờ (41).
41		Ủng cách điện	đôi	11	Lực lượng TNXP TP (1); TP. Thủ Đức (10).
42		Ủng cao su	đôi	2.115	Bộ Tư lệnh TP (40); Công ty TNHH MTV QLKT dịch vụ Thủy lợi (145); TP.Thủ Đức (220); Quận 1 (200); Quận 4 (70); Quận 6 (50); Quận 7 (460); Quận 8 (5); Quận 10 (80); Quận 11 (164); quận Bình Tân (168); quận Bình Thạnh (110); quận Tân Phú (67); huyện Hóc Môn (20); quận Tân Bình (20); huyện Nhà Bè (176); huyện Bình Chánh (120).
43		Găng tay cách điện	đôi	10	TP.Thủ Đức (10).
44		Găng tay chuyên dụng	đôi	1.866	Quận 4 (60); Quận 11 (160); quận Tân Phú (33); quận Gò Vấp (1.170); huyện Nhà Bè (437); huyện Bình Chánh (6).
45		Thiết bị cứu hộ trong không gian hẹp	cái	1	Bộ Tư lệnh TP (1).
46		Máy nén PDS185	cái	1	Bộ Tư lệnh TP (1).

STT	DANH MỤC		ĐƠN VỊ	SL	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
47		Bộ dây leo cứu nạn	bộ	59	Bộ Tư lệnh TP (2); BCH Bộ đội biên phòng TP (8); Lực lượng TNXP TP (10); Quận 3 (39).
48		Dây (thừng, dù)	m	35.495	TP.Thủ Đức (2.900); Quận 3 (200); Quận 4 (717); Quận 6 (4.300); Quận 7 (5.750); Quận 8 (4.000); Quận 10 (850); Quận 12 (40); quận Phú Nhuận (2.000); huyện Củ Chi (500); huyện Hóc Môn (2.400); huyện Cần Giờ (2.420); huyện Nhà Bè (2.688); huyện Bình Chánh (6.730).
49		Thiết bị thoát hiểm (ống thoát hiểm, đệm hơi, thang dây...)	bộ	192	Bộ Tư lệnh TP (10); Công an TP (2); Sở Lao động TBXH (1); Lực lượng TNXP TP (7); Quận 1 (12); Quận 3 (3); Quận 4 (11); Quận 6 (5); Quận 8 (21); Quận 10 (16); Quận 11 (31); quận Gò Vấp (5); quận Tân Phú (20); huyện Củ Chi (22); huyện Hóc Môn (2); huyện Nhà Bè (22); huyện Cần Giờ (2).
50		Bao đựng cát	cái	52.086	TP.Thủ Đức (10.000); Quận 8 (1.400); quận Bình Tân (3.845); quận Tân Bình (10.000); quận Gò Vấp (9.000); huyện Cần Giờ (2.000); huyện Hóc Môn (5.400); huyện Bình Chánh (9.700); huyện Nhà Bè (741).
51		Nhà bạt các loại	chiếc	266	Bộ Tư lệnh TP (33); BCH Bộ đội biên phòng TP (20); Công an TP (30); Lực lượng TNXP TP (5); Cảng vụ Hàng hải TP (3); TP.Thủ Đức (25); Quận 3 (2); Quận 4 (15); Quận 5 (6); Quận 6 (10); Quận 8 (20); Quận 10 (14); Quận 11 (2); Quận 12 (5); quận Tân Bình (13); quận Tân Phú (2); quận Bình Thạnh (19); huyện Bình Chánh (1); huyện Củ Chi (16); huyện Hóc Môn (2); huyện Nhà Bè (13); huyện Cần Giờ (10).